TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2022/HNGĐ-ST
Ngày 18 – 7 – 2022
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Phi Hùng

Ông Trần Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Mỹ N, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp T II, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Hồ Văn L, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp T II, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 28/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị Mỹ N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hồ Văn L tự tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Thới Bình. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh L được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị N xác định chị và anh L có 02 con chung tên Hồ Trí Th sinh ngày 01/5/2015 và Hồ Trí Th sinh ngày 19/9/2020, hiện đang sống cùng với

chị. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu Thức và Thuận, không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị N xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Hồ Văn L nhưng anh L không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Hồ Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh L.

[2] Về hôn nhân: Chị N với anh L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị Mỹ N với anh Hồ Văn L được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị N xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chung sống không hạnh phúc. Tại phiên tòa chị N xác định không còn tình cảm với anh L và cũng không thể tiếp tục chung sống với anh L được nữa nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh L; đối với anh Hồ Văn L, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị N nhưng anh L không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị N, điều này cho thấy anh L đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị N với anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N được ly hôn với anh L là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Hồ Trí Th sinh ngày 01/5/2015 và Hồ Trí Th sinh ngày 19/9/2020, đang sống cùng với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu Th và Th; đối với anh L không có ý kiến về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh L và chị N ly thân cho đến nay hai cháu Th và Th do chị N trực tiếp nuôi dưỡng và hai cháu Th và Th vẫn phát triển bình thường. Do đó, căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao hai cháu Th và Th cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Th; đối với việc cấp dưỡng cho con chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải

quyết; đối với anh L không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Ngô Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2, 3 Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Mỹ N. Cho chị Ngô Thị Mỹ N được ly hôn với anh Hồ Văn L.

2. Về con chung: Giao hai cháu Hồ Trí Th sinh ngày 01/5/2015 và Hồ Trí Th sinh ngày 19/9/2020 cho chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; việc cấp dưỡng cho con không đặt ra. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị Mỹ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0014919 ngày 28/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện Thới Bình;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tiêu Hồng Phượng